

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG  
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH

DANH SÁCH XẾP PHÒNG THI THỬ VÀO 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
1	Đặng Nguyễn Thái An	22/12/2011	200001	D1.3	Chuyên Văn	B1.2		
2	Nguyễn Cao Quốc An	31/08/2011	200002	D1.3			Chuyên Anh	D1.3
3	Trần Thiên An	20/08/2011	200003	D1.3	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Địa	D2.4
4	Trịnh Nguyễn Khánh An	08/11/2011	200004	D1.3	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Sinh	D3.1
5	Trần Thụy An	09/07/2011	200005	D1.3	Chuyên Toán	D1.3		
6	Lê Nguyễn Tú An	12/06/2011	200006	D1.3			Chuyên Sử	B1.2
7	Thân Bảo An	09/11/2011	200007	D1.3			Chuyên Tin	Tin 1
8	Phạm Việt An	12/02/2011	200008	D1.3	Chuyên Toán	D1.3		
9	Nguyễn Minh An	15/10/2011	200009	D1.3	Chuyên Toán	D1.3		
10	Vũ Thái An	10/06/2011	200010	D1.3	Chuyên Lí	D2.5		
11	Nguyễn Phan Khánh An	25/07/2011	200011	D1.3			Chuyên Tin	Tin 1
12	Lê Thị Hồng An	22/12/2011	200012	D1.3	Chuyên Văn	B1.2		
13	Nguyễn Hoài An		200013	D1.3	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
14	Đỗ Hoàng An	20/09/2011	200694	B1.2	Chuyên Toán	D2.3		
15	Cao Hà Anh	13/08/2011	200014	D1.3			Chuyên Sử	B1.2
16	Bùi Hoàng Anh	24/02/2011	200015	D1.3	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Tin	Tin 1
17	Nguyễn Thị Kiều Anh	14/09/2011	200016	D1.3	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Địa	D2.4
18	Lê Quỳnh Anh	06/06/2011	200017	D1.3	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.3
19	Nguyễn Hải Anh	20/03/2011	200018	D1.3	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Sử	B1.2
20	Bùi Đình Tuấn Anh	27/11/2011	200019	D1.3	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Anh	D1.3
21	Nguyễn Ngọc Hoài Anh	10/04/2011	200020	D1.3			Chuyên Sử	B1.2
22	Hoàng Thị Trâm Anh	15/07/2011	200021	D1.3	Chuyên Văn	B1.2		
23	Nguyễn Bảo Minh Anh	13/06/2011	200022	D1.3	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.3
24	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	17/05/2011	200023	D1.3	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.3
25	Nguyễn Trâm Anh	28/07/2011	200024	D1.3			Chuyên Sử	B1.2
26	Trần Đức Anh	22/04/2011	200025	D1.3	Chuyên Lí	D2.5		
27	Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	10/05/2011	200026	D1.4			Chuyên Anh	D1.3
28	Võ Hà Tuấn Anh	12/01/2011	200027	D1.4	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Anh	D1.3
29	Phạm Hoàng Anh	23/12/2011	200028	D1.4	Chuyên Toán	D1.3		
30	Lê Diệp Anh		200029	D1.4	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Anh	D1.3
31	Nguyễn Phương Anh	06/04/2011	200030	D1.4	Chuyên Hóa	D3.3		
32	Dương Thị Phương Anh	21/07/2011	200031	D1.4			Chuyên Sinh	D3.1
33	Lê Thị Trâm Anh	19/07/2011	200032	D1.4			Chuyên Địa	D2.4
34	Nguyễn Mã Ngọc Anh	29/04/2011	200033	D1.4	Chuyên Văn	B1.2		
35	Nguyễn Trương Quỳnh Anh	28/11/2011	200034	D1.4			Chuyên Địa	D2.4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
36	Vũ Hoàng Ngọc Anh	22/05/2011	200035	D1.4	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Sinh	D3.1
37	Vũ Thị Lan Anh	16/04/2011	200036	D1.4	Chuyên Toán	D1.3		
38	Lê Ngọc Bảo Anh	01/11/2011	200037	D1.4			Chuyên Sử	B1.2
39	Ngô Thị Mai Anh	18/02/2011	200038	D1.4	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.3
40	Nguyễn Bùi Trâm Anh	19/05/2011	200039	D1.4	Chuyên Văn	B1.2		
41	Trịnh Phương Anh		200040	D1.4	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
42	Nguyễn Đức Hoàng Anh		200041	D1.4	Chuyên Toán	D1.3		
43	Phạm Đặng Châu Anh	28/06/2011	200695	B1.2	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Địa	D2.6
44	Nguyễn Ngọc Ánh	29/08/2011	200042	D1.4	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.3
45	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/01/2011	200043	D1.4	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.3
46	Lê Trần Bách	24/09/2012	200044	D1.4			Chuyên Tin	Tin 1
47	Nguyễn Hoàng Bách	05/08/2026	200045	D1.4	Chuyên Toán	D1.3		
48	Bùi Hoàng Bách	20/08/2011	200046	D1.4	Chuyên Toán	D1.3		
49	Lê Trần Bách	20/08/2011	200047	D1.4			Chuyên Anh	D1.3
50	Bùi Lê Hiếu Bằng	23/08/2011	200048	D1.4	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.3
51	Bùi Hải Bằng	12/01/2011	200049	D1.4	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Sử	B1.2
52	Nguyễn Đỗ Huy Bảo	23/12/2011	200050	D1.4	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Sinh	D3.1
53	Thái Văn Gia Bảo	24/07/2011	200051	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Tin	Tin 1
54	Nguyễn Phan Gia Bảo	06/03/2011	200052	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Tin	Tin 1
55	Nguyễn Quốc Bảo	05/03/2011	200053	D1.5			Chuyên Tin	Tin 1
56	Dương Gia Bảo	18/08/2011	200054	D1.5			Chuyên Sử	B1.2
57	Lê Huy Bảo	25/02/2011	200055	D1.5	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Sinh	D3.1
58	Lưu Ngọc Bảo	30/08/2011	200056	D1.5			Chuyên Địa	D2.4
59	Lê Tâm Bảo	26/11/2011	200057	D1.5			Chuyên Anh	D1.3
60	Lê Ngọc Bảo	26/06/2011	200696	B1.2			Chuyên Anh	D2.3
61	Lê Hoàng Gia Bảo	01/07/2011	200697	B1.2	Chuyên Lí	D3.2		
62	Nguyễn Phạm Ngọc Bích	12/10/2011	200058	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Sinh	D3.1
63	Hoàng Thanh Bình	27/04/2011	200059	D1.5	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Sinh	D3.1
64	Lê Văn Khánh Bình	01/02/2011	200060	D1.5	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Sinh	D3.1
65	Nguyễn Thị Bình	14/07/2011	200061	D1.5			Chuyên Sinh	D3.1
66	Y Đạt Bkrông	03/04/2011	200698	B1.2	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Anh	D2.3
67	Phạm Đồng Bối Bối	19/02/2011	200062	D1.5	Chuyên Toán	D1.3		
68	Lê Cao Dạ Cầm	09/12/2012	200063	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Anh	D1.3
69	Vi Lê Huyền Châm	15/02/2011	200064	D1.5			Chuyên Sử	B1.2
70	Nguyễn Bảo Châu	26/06/2011	200065	D1.5	Chuyên Văn	B1.2		
71	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	08/12/2011	200066	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Sinh	D3.1
72	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	22/01/2011	200067	D1.5	Chuyên Hóa	D3.3		
73	Huỳnh Ngọc Bảo Châu	31/03/2011	200068	D1.5	Chuyên Lí	D2.5		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
74	Nguyễn Ngọc Châu	19/07/2011	200069	D1.5	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Sử	B1.2
75	Đoàn Huỳnh Ngọc Châu	09/02/2011	200070	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Sinh	D3.1
76	Nguyễn Ngọc Minh Châu		200071	D1.5	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
77	Lê Bảo Châu	07/09/2011	200699	B1.2			Chuyên Tin	Tin 3
78	Lê Ngọc Bảo Châu	30/05/2011	200700	B1.2	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Sinh	D3.5
79	Nguyễn Thị Kim Chi	11/04/2011	200072	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Anh	D1.3
80	Nguyễn Linh Chi	01/05/2011	200073	D1.5	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Anh	D1.3
81	Trần Đặng Linh Chi	27/06/2011	200074	D1.5			Chuyên Sinh	D3.1
82	Trần Ngọc Khánh Chi	29/06/2011	200075	D1.5	Chuyên Toán	D1.3		
83	Nguyễn Thị Linh Chi	08/08/2011	200076	D1.6			Chuyên Địa	D2.4
84	Nguyễn Lê Linh Chi	01/01/2011	200077	D1.6	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.3
85	Thái Hồng Chuyên	30/05/2011	200078	D1.6	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.3
86	Bùi Đình Công	09/05/2011	200701	B1.2	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Sinh	D3.5
87	Nguyen Thi Kim Cuc	30/10/2008	200702	B1.2	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Anh	D2.3
88	Nông Nguyễn Việt Cường	13/01/2011	200079	D1.6	Chuyên Toán	D1.3		
89	Thái Quốc Cường	09/04/2011	200080	D1.6	Chuyên Toán	D1.3	Chuyên Anh	D1.3
90	Nguyễn Phương Đài	02/09/2011	200081	D1.6			Chuyên Sinh	D3.1
91	Hồ Hoàng Đại	04/08/2011	200082	D1.6	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.3
92	Nguyễn Linh Đan	26/10/2011	200083	D1.6	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.3
93	Cao Khánh Đan	09/11/2011	200084	D1.6			Chuyên Sinh	D3.1
94	Trịnh Hà Đan		200085	D1.6			Chuyên Địa	D2.4
95	Cao Tiến Đăng	24/01/2011	200086	D1.6	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Sinh	D3.1
96	Trần Đặng Khánh Đăng	20/07/2011	200087	D1.6	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Tin	Tin 1
97	Nguyễn Trần Quán Đăng	13/04/2011	200088	D1.6	Chuyên Hóa	D3.3		
98	Nguyễn Hồng Hải Đăng	04/04/2011	200089	D1.6	Chuyên Toán	D1.4		
99	Nguyễn Ngọc Hải Đăng	11/11/2011	200090	D1.6	Chuyên Hóa	D3.3		
100	Nguyễn Hoàng Vĩnh Đăng	02/11/2011	200091	D1.6	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Sinh	D3.1
101	Mai Công Danh	06/01/2011	200092	D1.6	Chuyên Toán	D1.4		
102	Nguyễn Tiến Đạt	11/09/2011	200093	D1.6	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.3
103	Lê Nguyễn Tiến Đạt	13/01/2011	200094	D1.6	Chuyên Lí	D2.5		
104	Bùi Quang Đạt	04/08/2011	200095	D1.6			Chuyên Anh	D1.3
105	Nguyễn Khắc Đạt	24/11/2011	200096	D1.6	Chuyên Toán	D1.4		
106	Nguyễn Đăng Đạt	07/08/2011	200097	D1.6			Chuyên Tin	Tin 1
107	Nguyễn Đức Đạt	26/02/2011	200098	D1.6	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Tin	Tin 1
108	Nguyễn Thành Đạt	28/07/2011	200099	D1.6	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Sử	B1.2
109	Phàng Tấn Đạt	01/02/2011	200703	B1.2	Chuyên Toán	D2.3		
110	Hoàng Dương Bách Diệp	10/12/2011	200100	D1.6	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Tin	Tin 1
111	Võ Thị Ngọc Diệp	14/10/2010	200101	D2.1	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Sinh	D3.1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
112	Nguyễn Nguyên Ngọc Diệp	18/04/2011	200102	D2.1			Chuyên Tin	Tin 1
113	Lê Thị Ngọc Diệp	16/07/2011	200103	D2.1	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.3
114	Lê Nguyễn Hồng Diệp	21/08/2011	200104	D2.1	Chuyên Văn	B1.2		
115	Nguyễn Ngọc Diệp	15/11/2011	200704	B1.2	Chuyên Lí	D3.2		
116	Đình Tiên Hoàng Diêu		200105	D2.1	Chuyên Toán	D1.4		
117	Nguyễn Thị Bích Diêu	24/11/2011	200705	B1.2	Chuyên Lí	D3.2		
118	Đỗ Thị Dịu	15/05/2011	200106	D2.1	Chuyên Văn	B1.2		
119	Trần Hoàng Phước Đoan	13/10/2011	200107	D2.1	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.4
120	Lê Huy Đồng	29/12/2011	200108	D2.1	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Sinh	D3.1
121	Nguyễn Hữu Đức	29/09/2011	200109	D2.1			Chuyên Anh	D1.4
122	Đỗ Như Nhật Đức	15/06/2011	200110	D2.1	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Tin	Tin 1
123	Trần Thị Kim Dung	22/04/2011	200111	D2.1			Chuyên Sinh	D3.1
124	Nguyễn Minh Dũng	20/05/2011	200112	D2.1	Chuyên Lí	D2.5		
125	Nguyễn Mạnh Dũng	05/05/2011	200113	D2.1	Chuyên Toán	D1.4		
126	Bùi Anh Dũng	30/10/2011	200114	D2.1	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Sinh	D3.1
127	Trần Đức Dũng	02/05/2011	200115	D2.1	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Anh	D1.4
128	Phạm Hà Dũng	06/06/2011	200706	B1.2	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Tin	Tin 3
129	Phùng Nguyễn Ngọc Dũng	20/05/2011	200707	B1.2	Chuyên Lí	D3.2	Chuyên Anh	D2.3
130	Nguyễn Vũ Ánh Dương	23/06/2011	200116	D2.1			Chuyên Sinh	D3.1
131	Vũ Nguyễn Thủy Dương	08/06/2011	200117	D2.1			Chuyên Địa	D2.4
132	Bùi Ngọc Ánh Dương	15/12/2011	200118	D2.1	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Tin	Tin 1
133	Hồ Thị Kiều Dương	13/08/2011	200119	D2.1	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Sử	B1.2
134	Nguyễn Văn Dương	14/08/2011	200120	D2.1	Chuyên Hóa	D3.3		
135	Phó Nguyễn Thủy Dương	28/06/2011	200121	D2.1	Chuyên Lí	D2.5		
136	Lê Hồng Dương	06/04/2011	200122	D2.1	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Anh	D1.4
137	Võ Ngọc Duy	05/09/2011	200123	D2.1	Chuyên Lí	D2.5		
138	Nguyễn Minh Duy	28/06/2011	200124	D2.1	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Anh	D1.4
139	Nguyễn Đình Khương Duy	12/05/2011	200125	D2.1			Chuyên Sinh	D3.1
140	Nguyễn Trọng Duy	26/07/2011	200708	B1.2	Chuyên Toán	D2.3		
141	Nguyễn Hà Duyên	16/11/2011	200126	D2.2	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.4
142	Trần Thị Thu Giang	20/03/2011	200127	D2.2	Chuyên Toán	D1.4		
143	Võ Ngọc Lam Giang	10/04/2011	200128	D2.2	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.4
144	Phạm Trần Hương Giang	05/10/2011	200129	D2.2	Chuyên Văn	B1.2	Chuyên Sinh	D3.1
145	Nguyễn Tuệ Giang	08/10/2011	200709	B1.2			Chuyên Địa	D2.6
146	Hoàng Nguyễn Ngọc Hà	10/07/2011	200130	D2.2	Chuyên Toán	D1.4		
147	Lê Thị Ngọc Hà	22/04/2011	200131	D2.2			Chuyên Anh	D1.4
148	Phạm Nguyên Hà	03/05/2011	200132	D2.2			Chuyên Sinh	D3.1
149	Trần Thanh Hà	07/12/2011	200133	D2.2	Chuyên Toán	D1.4		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
150	Văn Như Hà	06/06/2011	200134	D2.2			Chuyên Sử	B1.2
151	Vũ Phan Việt Hà	06/12/2012	200135	D2.2	Chuyên Văn	B1.2		
152	Đặng Thị Hoàng Hà		200136	D2.2	Chuyên Văn	B1.3		
153	Triệu Thị Thanh Hà	24/08/2011	200710	B1.2	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Tin	Tin 3
154	Nguyễn Việt Ngân Hà	17/06/2011	200711	B1.2	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Anh	D2.3
155	Vũ Thị Xuân Hạ	10/10/2011	200137	D2.2	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Tin	Tin 1
156	Đình Nguyễn Hoàng Hạc	09/04/2011	200138	D2.2			Chuyên Tin	Tin 1
157	Đỗ Chí Hải	15/11/2011	200139	D2.2			Chuyên Sinh	D3.2
158	Nguyễn Danh Nam Hải	15/05/2011	200140	D2.2	Chuyên Hóa	D3.3	Chuyên Anh	D1.4
159	Lê Thanh Hải	16/07/2011	200141	D2.2	Chuyên Toán	D1.4		
160	Nguyễn Bá Nam Hải	09/11/2012	200712	B1.2	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Tin	Tin 3
161	Trần Tiến Hải	23/03/2011	200713	B1.2	Chuyên Lí	D3.2	Chuyên Anh	D2.3
162	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/04/2011	200142	D2.2	Chuyên Văn	B1.3		
163	Phạm Gia Hân	11/06/2011	200143	D2.2	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Tin	Tin 1
164	Trần Ngọc Gia Hân	13/09/2011	200144	D2.2			Chuyên Sử	B1.2
165	Lê Nguyễn Gia Hân	12/05/2011	200145	D2.2	Chuyên Hóa	D3.3		
166	Đặng Ngọc Hân	21/04/2011	200146	D2.2	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Tin	Tin 1
167	Phạm Ngọc Hân	29/03/2011	200147	D2.2	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Địa	D2.4
168	Phan Nguyễn Gia Hân	07/05/2011	200148	D2.2			Chuyên Tin	Tin 1
169	Phạm Gia Hân	03/12/2011	200149	D2.2	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Anh	D1.4
170	Trần Phan Ngọc Hân	10/08/2011	200150	D2.2	Chuyên Văn	B1.3		
171	Nguyễn Gia Hân	08/08/2011	200151	D2.3	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Sử	B1.2
172	Võ Phạm Gia Hân	04/04/2011	200152	D2.3			Chuyên Anh	D1.4
173	Vũ Gia Hân	08/06/2011	200153	D2.3	Chuyên Văn	B1.3		
174	Phạm Gia Hân	19/08/2011	200154	D2.3	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Sử	B1.2
175	Tạ Gia Hân	09/09/2011	200714	B1.2	Chuyên Văn	B2.2		
176	Ngũ Nguyễn Gia Hân	04/07/2011	200715	B1.2	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Sử	B1.4
177	Nguyễn Phan Minh Hằng	07/04/2011	200155	D2.3	Chuyên Văn	B1.3		
178	Hoàng Lê Minh Hằng	15/10/2011	200156	D2.3			Chuyên Địa	D2.4
179	Lê Thanh Hằng	15/11/2011	200157	D2.3			Chuyên Sinh	D3.2
180	Trần Hoàng Minh Hằng	12/06/2011	200158	D2.3	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Anh	D1.4
181	Võ Thu Hằng	07/02/2011	200159	D2.3			Chuyên Sinh	D3.2
182	Trần Thị Kim Hằng		200160	D2.3			Chuyên Địa	D2.4
183	Nguyễn Thị Hằng	18/02/2011	200716	B1.2	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Địa	D2.6
184	Phan Thanh Mỹ Hạnh	08/07/2011	200161	D2.3	Chuyên Hóa	D3.3		
185	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	01/01/2011	200162	D2.3	Chuyên Toán	D1.4		
186	Lê Gia Hào	11/03/2011	200163	D2.3	Chuyên Hóa	D3.3		
187	Nguyễn Sỹ Hào	24/10/2011	200164	D2.3	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Anh	D1.4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
188	Trần Thanh Hào	30/04/2011	200165	D2.3	Chuyên Lí	D2.5		
189	Nguyễn Thanh Hiền	22/05/2011	200166	D2.3	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Địa	D2.4
190	Lê Thị Thu Hiền		200167	D2.3	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Sử	B1.2
191	Hồ Thị Kim Hiền	28/03/2011	200168	D2.3	Chuyên Hóa	D3.3		
192	Nguyễn Xuân Hiếu	08/01/2011	200169	D2.3	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Anh	D1.4
193	Trương Minh Hiếu	26/08/2011	200170	D2.3			Chuyên Anh	D1.4
194	Mai Trung Hiếu	26/01/2011	200171	D2.3			Chuyên Anh	D1.4
195	Nguyễn Doãn Trung Hiếu	24/09/2011	200172	D2.3	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Địa	D2.4
196	Lê Trung Hiếu	30/10/2011	200173	D2.3	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Địa	D2.4
197	Trần Trung Hiếu	06/09/2011	200174	D2.3	Chuyên Lí	D2.5		
198	Đỗ Bùi Ngọc Hiếu	19/11/2011	200175	D2.3	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Tin	Tin 1
199	Phan Công Hiếu		200176	D2.4	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
200	Phan Khắc Hiếu	12/05/2011	200177	D2.4	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Sinh	D3.2
201	Trịnh Thị Thanh Hoa	10/11/2011	200178	D2.4	Chuyên Văn	B1.3		
202	Cao Minh Hoá	20/12/2026	200179	D2.4	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Sinh	D3.2
203	Nguyễn Đình Gia Hoà	31/10/2011	200180	D2.4	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Anh	D1.4
204	Mai Xuân Hoà	13/10/2011	200181	D2.4	Chuyên Toán	D1.4	Chuyên Tin	Tin 1
205	Lê Đức Hoàng Hoà		200182	D2.4			Chuyên Địa	D2.4
206	Nguyễn Đặng Bảo Hoan	29/04/2011	200183	D2.4	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Anh	D1.4
207	Nguyễn Thị Hoan		200184	D2.4	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
208	Lê Khắc Hoan	25/12/2011	200717	B1.2			Chuyên Địa	D2.6
209	Nguyễn Huy Hoàng	25/01/2011	200185	D2.4	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Anh	D1.4
210	Nguyễn Mạnh Hoàng	10/05/2011	200186	D2.4			Chuyên Tin	Tin 1
211	Trần Ngọc Huy Hoàng	20/10/2011	200187	D2.4	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Tin	Tin 1
212	Nguyễn Đình Hoàng	07/06/2011	200188	D2.4	Chuyên Hóa	D3.4		
213	Phạm Hữu Hoàng	07/05/2011	200189	D2.4	Chuyên Lí	D2.5		
214	Đào Huy Hoàng	24/08/2011	200190	D2.4	Chuyên Toán	D1.5		
215	Trần Mạnh Hoàng	07/01/2011	200191	D2.4	Chuyên Lí	D2.5	Chuyên Sinh	D3.2
216	Đình Trọng Hoàng	22/12/2011	200192	D2.4			Chuyên Sử	B1.2
217	Võ Tá Gia Hoàng	28/11/2011	200193	D2.4	Chuyên Lí	D2.6		
218	Lương Đình Hoàng		200194	D2.4			Chuyên Anh	D1.4
219	Ngô Nguyễn Sỹ Hùng	03/11/2011	200195	D2.4	Chuyên Lí	D2.6		
220	Phạm Tuấn Hùng	22/01/2011	200196	D2.4	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.4
221	Hoàng Mạnh Hùng	12/10/2011	200197	D2.4	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.4
222	Vũ Tiến Hưng	08/10/2011	200198	D2.4	Chuyên Toán	D1.5		
223	Hồ Ngọc Tuấn Hưng	22/03/2011	200199	D2.4	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Tin	Tin 1
224	Vũ Mai Hương	13/04/2011	200200	D2.4	Chuyên Văn	B1.3		
225	Nguyễn Lê Diễm Hương	08/02/2011	200201	D2.5	Chuyên Văn	B1.3		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
226	Nguyễn Quỳnh Hương	17/07/2011	200202	D2.5			Chuyên Sinh	D3.2
227	Hoàng Lan Hương	24/03/2021	200203	D2.5			Chuyên Sinh	D3.2
228	Nguyễn Thị Quỳnh Hương		200204	D2.5	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Địa	D2.4
229	Dương Thị Thanh Hương	09/01/2011	200718	B1.2			Chuyên Sử	B1.4
230	Thái Thị Hường	01/08/2011	200205	D2.5	Chuyên Hóa	D3.4		
231	Lê Gia Huy	20/06/2011	200206	D2.5	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Tin	Tin 1
232	Vũ Đỗ Gia Huy	05/07/2011	200207	D2.5	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Sinh	D3.2
233	Nguyễn Phú Thanh Huy	28/10/2011	200208	D2.5			Chuyên Sử	B1.2
234	Nguyễn Bá Huy	26/01/2011	200209	D2.5	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.4
235	Nguyễn Việt Huy	16/08/2011	200210	D2.5	Chuyên Toán	D1.5		
236	Nguyễn Phúc Huy	25/01/2011	200211	D2.5	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Tin	Tin 1
237	Lương Gia Huy	10/05/2011	200212	D2.5	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Anh	D1.4
238	Chu Hoàng Gia Huy	29/04/2011	200213	D2.5	Chuyên Hóa	D3.4		
239	Nguyễn Quốc Huy	12/06/2011	200214	D2.5	Chuyên Hóa	D3.4		
240	Vũ Tiến Huy	10/08/2011	200215	D2.5	Chuyên Toán	D1.5		
241	Nguyễn Văn Quốc Huy	30/04/2011	200216	D2.5			Chuyên Sinh	D3.2
242	Đào Trọng Gia Huy	04/08/2011	200217	D2.5	Chuyên Lí	D2.6		
243	Lê Gia Huy	25/12/2011	200218	D2.5	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Tin	Tin 2
244	Trần Ngọc Đức Huy	22/03/2012	200219	D2.5	Chuyên Lí	D2.6		
245	Nguyễn Đức Huy	05/04/2011	200220	D2.5	Chuyên Toán	D1.5		
246	Đào Gia Huy	12/12/2011	200221	D2.5			Chuyên Tin	Tin 2
247	Ngô Quang Huy	31/07/2011	200222	D2.5			Chuyên Sử	B1.2
248	Đậu Văn Hà Huy		200223	D2.5	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
249	Phạm Gia Huy	19/04/2011	200224	D2.5			Chuyên Địa	D2.4
250	Đình Gia Huy	14/11/2011	200225	D2.5	Chuyên Lí	D2.6		
251	Ca Hà Gia Huy		200226	D2.6	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
252	Đoàn Quang Huy	02/01/2011	200719	B1.2	Chuyên Văn	B2.2		
253	Mai Thu Huyền	16/07/2011	200227	D2.6	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sinh	D3.2
254	Lê Nguyễn Khánh Huyền	27/04/2011	200228	D2.6	Chuyên Văn	B1.3		
255	Nguyễn Khánh Huyền	11/11/2011	200229	D2.6	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Sinh	D3.2
256	Nguyễn Phan Thu Huyền	25/06/2011	200720	B1.2			Chuyên Anh	D2.3
257	Bùi Nguyên Kha	06/06/2011	200230	D2.6	Chuyên Toán	D1.5		
258	Nguyễn Đức Khải	23/06/2011	200231	D2.6			Chuyên Anh	D1.4
259	Hồ Thiện Khang	14/03/2011	200232	D2.6	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.5
260	Nguyễn An Khang	13/08/2011	200233	D2.6	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.5
261	Đình Nguyễn An Khang	12/07/2011	200234	D2.6	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Anh	D1.5
262	Phạm Việt Khang	24/03/2011	200235	D2.6	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sinh	D3.2
263	Đỗ Phan Nguyên Khang	26/07/2011	200236	D2.6			Chuyên Tin	Tin 2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
264	Đỗ Phúc Khang	03/11/2011	200721	B1.2	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Tin	Tin 3
265	Lê Thị Phước Khanh		200237	D2.6	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
266	Lương Ngọc Khánh	25/10/2011	200238	D2.6			Chuyên Tin	Tin 2
267	Lương Vũ Ngân Khánh	12/12/2011	200239	D2.6			Chuyên Sinh	D3.2
268	Nguyễn Ngọc Vân Khánh	08/10/2011	200240	D2.6	Chuyên Văn	B1.3		
269	Vũ Gia Khánh	18/11/2011	200241	D2.6	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.5
270	Phùng Ngân Khánh	23/07/2011	200242	D2.6	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sinh	D3.2
271	Nguyễn Gia Khánh	19/07/2011	200243	D2.6	Chuyên Lí	D2.6		
272	Hoàng Quốc Khánh	02/09/2011	200244	D2.6	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Địa	D2.4
273	Tổng Gia Khánh	24/03/2011	200722	B1.2	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Tin	Tin 3
274	Nguyễn Đình Gia Khánh	09/04/2011	200723	B1.2	Chuyên Toán	D2.4		
275	Nguyễn Đăng Khoa	23/08/2011	200245	D2.6	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Sinh	D3.2
276	Nguyễn Minh Khoa	14/04/2011	200246	D2.6			Chuyên Sinh	D3.2
277	Nguyễn Anh Khoa		200247	D2.6			Chuyên Địa	D2.4
278	Nguyễn Đăng Khoa	16/12/2011	200724	B1.2	Chuyên Toán	D2.4		
279	Lê Nguyên Khôi	07/11/2011	200248	D2.6	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.5
280	Trần Minh Khôi	19/09/2011	200249	D2.6	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.5
281	Nguyễn Tường Khôi	17/07/2011	200250	D2.6	Chuyên Hóa	D3.4		
282	Nguyễn Nhật Khôi	16/05/2011	200251	D3.1	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sinh	D3.2
283	Thái Vũ Nguyên Khôi	14/12/2011	200252	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Tin	Tin 2
284	Hồ Đức Khôi		200253	D3.1	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
285	Lê Trung Kiên	21/09/2011	200254	D3.1			Chuyên Anh	D1.5
286	Trịnh Ngọc Kiên	26/06/2011	200255	D3.1			Chuyên Sinh	D3.2
287	Đỗ Trung Kiên	18/12/2011	200256	D3.1	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Tin	Tin 2
288	Trần Đình Kiên	23/06/2011	200257	D3.1			Chuyên Anh	D1.5
289	Đình Tuấn Kiệt	17/09/2011	200258	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Anh	D1.5
290	Lê Tuấn Kiệt	25/10/2011	200259	D3.1	Chuyên Toán	D1.5		
291	Dương Tuấn Kiệt	14/04/2011	200260	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Anh	D1.5
292	Nguyễn Anh Kiệt	14/02/2011	200261	D3.1	Chuyên Lí	D2.6		
293	Võ Tuấn Kiệt	04/11/2011	200262	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4		
294	Hà Hào Kiệt	13/08/2011	200263	D3.1	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Sử	B1.2
295	Lương Lê Tuyết Kiều	08/06/2011	200264	D3.1	Chuyên Văn	B1.3		
296	Nguyễn Thị Thuý Kiều	06/06/2011	200265	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4		
297	Nguyễn Hoàng Trọng Kim	17/08/2011	200266	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4		
298	Nguyễn Ngọc Nhã Kỳ	05/06/2011	200725	B1.2	Chuyên Lí	D3.2		
299	Đậu Tường Lam	31/10/2011	200267	D3.1	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Anh	D1.5
300	Nguyễn Thị Tuệ Lâm	24/08/2011	200268	D3.1	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Sinh	D3.2
301	Phạm Mai Trúc Lâm	16/01/2011	200269	D3.1	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Sinh	D3.2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
302	Trần Hồ Tuệ Lâm	24/03/2011	200270	D3.1	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.5
303	Hoàng Lâm	24/06/2011	200271	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4		
304	Võ Lê Tuệ Lâm	02/01/2011	200272	D3.1			Chuyên Anh	D1.5
305	Tô Phạm Hoàng Lan	16/10/2011	200273	D3.1	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Địa	D2.4
306	Vũ Ngọc Hương Lan	18/07/2011	200726	B1.2	Chuyên Văn	B2.2		
307	Vũ Thị Thanh Liễu	06/08/2011	200274	D3.1	Chuyên Văn	B1.3		
308	Cáp Thị Hải Linh	05/07/2011	200275	D3.1	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Anh	D1.5
309	Trần Ngọc Linh	16/05/2011	200276	D3.2	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Địa	D2.4
310	Hồ Lê Phương Linh	21/01/2011	200277	D3.2			Chuyên Anh	D1.5
311	Đặng Phương Linh	05/05/2011	200278	D3.2			Chuyên Anh	D1.5
312	Nguyễn Thị Uyên Linh	05/04/2011	200279	D3.2	Chuyên Văn	B1.3		
313	Doãn Trần Hà Linh	08/07/2011	200280	D3.2	Chuyên Hóa	D3.4		
314	Lê Hồ Trúc Linh	08/12/2011	200281	D3.2			Chuyên Sinh	D3.2
315	Lưu Ngọc Linh	23/04/2011	200282	D3.2	Chuyên Hóa	D3.4		
316	Vũ Trần Uyên Linh	02/02/2011	200283	D3.2	Chuyên Văn	B1.3		
317	Nguyễn Ngọc Phương Linh	21/03/2011	200284	D3.2	Chuyên Văn	B1.3		
318	Nguyễn Trần Khánh Linh	21/04/2011	200285	D3.2	Chuyên Văn	B1.3		
319	Hoàng Mai Tú Linh	30/04/2011	200286	D3.2	Chuyên Toán	D1.5	Chuyên Sử	B1.2
320	Nguyễn Khánh Linh	26/09/2011	200287	D3.2	Chuyên Văn	B1.3	Chuyên Anh	D1.5
321	Trần Nguyễn Phương Linh	21/12/2011	200288	D3.2			Chuyên Anh	D1.5
322	Võ Dương Thùy Linh	28/02/2011	200289	D3.2	Chuyên Toán	D1.5		
323	Nguyễn Mai Linh	01/12/2011	200290	D3.2	Chuyên Toán	D1.6		
324	Vũ Thảo Linh	28/11/2011	200291	D3.2	Chuyên Toán	D1.6		
325	Đình Đan Linh	14/03/2011	200292	D3.2	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Tin	Tin 2
326	Nguyễn Thùy Linh	05/11/2011	200293	D3.2	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Sinh	D3.2
327	Phạm Mai Linh	05/09/2011	200294	D3.2			Chuyên Anh	D1.5
328	Trần Thị Khánh Linh	26/03/2011	200295	D3.2	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Sinh	D3.2
329	Nguyễn Khánh Linh	10/03/2011	200296	D3.2			Chuyên Sử	B1.2
330	Trần Phương Linh	16/02/2011	200297	D3.2	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Sinh	D3.3
331	Đoàn Lê Phương Linh	20/11/2011	200298	D3.2	Chuyên Văn	B1.4		
332	Nguyễn Trúc Linh	10/12/2011	200299	D3.2	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Sử	B1.2
333	Nguyễn Nhật Linh	21/03/2011	200300	D3.2			Chuyên Sinh	D3.3
334	Nguyễn Thùy Linh	16/11/2011	200301	D3.3	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Sinh	D3.3
335	Nguyễn Khánh Linh	04/03/2011	200302	D3.3	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sinh	D3.3
336	Huỳnh Ngô Gia Linh	06/01/2011	200303	D3.3			Chuyên Sinh	D3.3
337	Hoàng Diệu Linh	02/01/2011	200304	D3.3	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.5
338	Trần Thị Mai Loan	16/10/2011	200305	D3.3	Chuyên Hóa	D3.4	Chuyên Sinh	D3.3
339	Võ Tấn Lộc	24/05/2011	200306	D3.3	Chuyên Lí	D2.6		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
340	Nguyễn Trọng Đại Lộc	01/01/2011	200307	D3.3	Chuyên Toán	D1.6		
341	Trần Ngọc Tuấn Lộc	08/04/2011	200308	D3.3			Chuyên Tin	Tin 2
342	Đỗ Tấn Lợi	20/06/2011	200309	D3.3	Chuyên Hóa	D3.4		
343	Nguyễn Minh Lợi	18/04/2011	200310	D3.3			Chuyên Sử	B1.3
344	Trương Quang Lợi	03/03/2011	200727	B1.2	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Anh	D2.3
345	Nguyễn Sỹ Hoàng Long	02/01/2011	200311	D3.3			Chuyên Anh	D1.5
346	Nguyễn Hoàng Long	21/04/2011	200312	D3.3	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.5
347	Phạm Nhật Bảo Long	28/08/2011	200313	D3.3			Chuyên Anh	D1.5
348	Phạm Hoàng Long	24/02/2011	200728	B1.2	Chuyên Lí	D3.2	Chuyên Địa	D2.6
349	Đào Duy Long	08/01/2011	200729	B1.2	Chuyên Lí	D3.2		
350	Huỳnh Bảo Luân	02/04/2011	200314	D3.3	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sinh	D3.3
351	Nguyễn Khánh Ly	20/11/2011	200315	D3.3			Chuyên Sử	B1.3
352	Hồ Hoàng Khánh Ly	24/05/2011	200316	D3.3	Chuyên Hóa	D3.4		
353	Nguyễn Trần Thảo Ly	03/09/2011	200317	D3.3			Chuyên Sinh	D3.3
354	Vũ Khánh Ly	06/07/2011	200318	D3.3	Chuyên Hóa	D3.4		
355	Hoàng Khánh Ly		200319	D3.3	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
356	Lường Ngọc Mai	17/10/2011	200320	D3.3	Chuyên Hóa	D3.4		
357	Đinh Ngọc Mai	06/01/2011	200321	D3.3	Chuyên Hóa	D3.4		
358	Lê Kim Mai	02/11/2011	200322	D3.3	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Địa	D2.4
359	Hoàng Ngọc Mai	11/04/2011	200323	D3.3	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Địa	D2.4
360	Nông Thị Thanh Mai	09/12/2011	200324	D3.3	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Sử	B1.3
361	Trần Thị Trúc Mai	24/04/2011	200325	D3.3			Chuyên Tin	Tin 2
362	Nguyễn Đỗ Phương Mai	29/05/2011	200730	B1.3	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Địa	D2.6
363	Thân Thị Kiều Mai	13/11/2011	200731	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
364	Phan Nữ Quỳnh Mai	04/08/2011	200732	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Anh	D2.3
365	Phan Xuân Mạnh	08/03/2011	200326	D3.4	Chuyên Toán	D1.6		
366	Lê Viết Mạnh	21/06/2011	200327	D3.4	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.5
367	Lê Hà May	24/04/2011	200328	D3.4	Chuyên Văn	B1.4		
368	Nguyễn Ngọc Maya	25/06/2011	200329	D3.4	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.5
369	Triệu Thị Kim Mến	01/02/2011	200330	D3.4			Chuyên Địa	D2.4
370	Trần Lê Song Min	09/01/2011	200331	D3.4			Chuyên Tin	Tin 2
371	Bùi Nguyễn Ánh Minh	05/10/2011	200332	D3.4	Chuyên Văn	B1.4		
372	Phan Anh Minh	11/10/2011	200333	D3.4	Chuyên Toán	D1.6		
373	Lưu Vũ Phương Minh	19/10/2011	200334	D3.4			Chuyên Anh	D1.6
374	Lê Nguyễn Bình Minh	04/11/2011	200335	D3.4	Chuyên Toán	D1.6		
375	Nguyễn Trần Hà Minh	01/09/2011	200336	D3.4	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Sinh	D3.3
376	Phạm Công Bảo Minh	12/12/2011	200337	D3.4			Chuyên Sinh	D3.3
377	Nguyễn Quang Minh	30/09/2011	200733	B1.3			Chuyên Sinh	D3.5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
378	Trương Nguyễn Trà My	24/12/2011	200338	D3.4	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.6
379	Lê Lưu Thảo My	19/07/2011	200339	D3.4	Chuyên Toán	D1.6		
380	Trần Thị Hải My	20/07/2011	200340	D3.4			Chuyên Anh	D1.6
381	Trương Thái Trà My	22/07/2011	200341	D3.4	Chuyên Văn	B1.4		
382	Nguyễn Trà My	30/04/2011	200342	D3.4	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sử	B1.3
383	Nguyễn Ngọc Hà My	29/07/2012	200343	D3.4	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.6
384	Đỗ Thị My My	14/04/2011	200344	D3.4			Chuyên Sinh	D3.3
385	Hà Thị Trà My	23/10/2011	200345	D3.4	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Sinh	D3.3
386	Lê Thị Trà My	06/04/2011	200346	D3.4			Chuyên Anh	D1.6
387	Nguyễn Dương Ly Na	16/03/2011	200347	D3.4	Chuyên Lí	D2.6		
388	Đỗ Ly Na	05/09/2011	200348	D3.4	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.6
389	Nguyễn Ngọc Bảo Nam	02/10/2011	200349	D3.4	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Tin	Tin 2
390	Hoàng Kỳ Nam	19/08/2011	200350	D3.4	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Tin	Tin 2
391	Nguyễn Trọng Bảo Nam	05/02/2011	200351	D3.5			Chuyên Tin	Tin 2
392	Hồ Phương Nam	23/04/2011	200352	D3.5	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.6
393	Nguyễn Phương Nam	16/04/2011	200353	D3.5	Chuyên Lí	D2.6		
394	Vũ Khắc Bảo Nam	11/12/2011	200354	D3.5	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Sử	B1.3
395	Nguyễn Nhật Nam	09/05/2011	200355	D3.5	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Tin	Tin 2
396	Nguyễn Văn Nam	09/07/2011	200356	D3.5	Chuyên Lí	D2.6	Chuyên Sinh	D3.3
397	Nguyễn Bá Hải Nam		200357	D3.5	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
398	Đặng Hoàng Nam		200358	D3.5	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
399	Nguyễn Phương Nga	07/10/2011	200359	D3.5			Chuyên Anh	D1.6
400	Nguyễn Trần Kim Ngân	22/02/2011	200360	D3.5			Chuyên Anh	D1.6
401	Trần Hoàng Ngân	26/07/2011	200361	D3.5	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Anh	D1.6
402	Lê Bùi Bảo Ngân	13/09/2011	200362	D3.5			Chuyên Anh	D1.6
403	Tô Thanh Ngân	25/02/2011	200363	D3.5			Chuyên Anh	D1.6
404	Đặng Nguyễn Kim Ngân	05/04/2011	200364	D3.5			Chuyên Sinh	D3.3
405	Lài Thiên Ngân	17/04/2011	200365	D3.5	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.6
406	Vũ Thị Kim Ngân	26/11/2011	200366	D3.5	Chuyên Hóa	D3.5		
407	Phạm Quỳnh Ngân	01/10/2011	200367	D3.5			Chuyên Sử	B1.3
408	Nguyễn Tường Nghi	11/11/2011	200368	D3.5	Chuyên Văn	B1.4		
409	Trần Bùi Gia Nghĩa	24/09/2011	200369	D3.5	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.6
410	Nguyễn Trọng Nghĩa	27/06/2011	200370	D3.5	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.6
411	Nguyễn Danh Gia Nghĩa	26/11/2011	200371	D3.5	Chuyên Hóa	D3.5		
412	Vũ Bảo Ngọc	11/12/2011	200372	D3.5	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Sinh	D3.3
413	Phan Bảo Ngọc	11/05/2011	200373	D3.5	Chuyên Toán	D1.6		
414	Phạm Bảo Ngọc	15/11/2011	200374	D3.5	Chuyên Hóa	D3.5		
415	Huỳnh Nguyễn Gia Ngọc	28/10/2011	200375	D3.5			Chuyên Địa	D2.4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
416	Phạm Hồng Ngọc	20/12/2011	200376	D3.6	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Sinh	D3.3
417	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	28/02/2011	200377	D3.6			Chuyên Sử	B1.3
418	Võ Lê Như Ngọc	09/07/2011	200378	D3.6	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.6
419	Trương Nguyễn Bảo Ngọc	30/03/2011	200379	D3.6	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Địa	D2.5
420	Đình Lê Bảo Ngọc	15/03/2011	200380	D3.6	Chuyên Văn	B1.4		
421	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	10/02/2011	200381	D3.6			Chuyên Địa	D2.5
422	Phan Trần Bảo Ngọc	24/12/2011	200382	D3.6	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Sinh	D3.3
423	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	11/11/2011	200383	D3.6	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.6
424	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/07/2011	200384	D3.6	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Sinh	D3.3
425	Trần Thị Bảo Ngọc	13/05/2011	200385	D3.6	Chuyên Văn	B1.4		
426	Nguyễn Thị Diệu Ngọc	22/09/2011	200386	D3.6			Chuyên Anh	D1.6
427	Nguyễn Bảo Ngọc	12/01/2011	200387	D3.6	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.6
428	Thái Bảo Ngọc	06/03/2011	200388	D3.6			Chuyên Anh	D1.6
429	Lại Nguyễn Cẩm Ngọc	01/01/2011	200389	D3.6	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Sinh	D3.3
430	Mai Hồng Ngọc	04/12/2011	200390	D3.6	Chuyên Văn	B1.4	Chuyên Anh	D1.6
431	Nguyễn Thị Kim Ngọc		200391	D3.6	Chuyên Văn	B1.5		
432	Phan Lê Bảo Ngọc	28/11/2011	200734	B1.3	Chuyên Hóa	D3.6		
433	Nguyễn An Nguyên	02/03/2011	200392	D3.6	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Địa	D2.5
434	Lê Nguyễn Nhật Nguyên	10/12/2011	200393	D3.6	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.6
435	Trần Quốc Khôi Nguyên	06/08/2011	200394	D3.6	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Tin	Tin 2
436	Nguyễn Lê Anh Nguyên	13/02/2011	200395	D3.6	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Anh	D1.6
437	Phạm Khánh Nguyên	20/11/2011	200396	D3.6			Chuyên Địa	D2.5
438	Vương Thảo Nguyên	23/10/2011	200397	D3.6	Chuyên Toán	D1.6	Chuyên Sinh	D3.3
439	Nguyễn Hoàng Nguyên	07/06/2011	200398	D3.6	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Tin	Tin 2
440	Phạm Khôi Nguyên	22/05/2011	200399	D3.6			Chuyên Tin	Tin 2
441	Nguyễn Hoàng Phúc Nguyên	17/08/2011	200400	D3.6	Chuyên Toán	D2.1		
442	Nguyễn Thị Phương Nguyên	20/02/2011	200401	B1.4	Chuyên Toán	D2.1		
443	Trịnh Khánh Nguyên	03/01/2011	200402	B1.4	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Anh	D1.6
444	Đỗ Phương Nguyên	03/12/2011	200403	B1.4	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Địa	D2.5
445	Trần Thảo Nguyên	23/03/2011	200404	B1.4	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Anh	D1.6
446	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	14/05/2011	200405	B1.4	Chuyên Văn	B1.5		
447	Nguyễn Hoàng Thanh Nguyên	01/05/2011	200406	B1.4	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sử	B1.3
448	Nguyễn Thảo Nguyên	27/01/2011	200407	B1.4	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Sinh	D3.3
449	Nguyễn Hạnh Nguyên	11/02/2011	200408	B1.4			Chuyên Sinh	D3.3
450	Ngô Kim Nguyên	17/05/2011	200409	B1.4	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Anh	D2.1
451	Lê Văn Khôi Nguyên	08/12/2011	200735	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Tin	Tin 3
452	Lê Thanh Nguyệt	15/11/2011	200410	B1.4			Chuyên Sinh	D3.3
453	Phạm Ngô Như Nguyệt	16/01/2011	200736	B1.3			Chuyên Sinh	D3.5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
454	Biện Gia Trọng Nhân	28/01/2011	200411	B1.4	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Anh	D2.1
455	Võ Việt Nhân	06/10/2011	200412	B1.4	Chuyên Lí	D3.1		
456	Châu Nguyễn Thủy Nhân	05/09/2011	200413	B1.4	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Địa	D2.5
457	Lê Đình Nhân	28/11/2011	200414	B1.4	Chuyên Hóa	D3.5		
458	Nguyễn Vũ Cao Nhân	30/07/2011	200415	B1.4			Chuyên Tin	Tin 2
459	Nguyễn Trần Minh Nhật	22/05/2011	200416	B1.4	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Sử	B1.3
460	Đình Viêt Quang Nhật	13/04/2011	200417	B1.4	Chuyên Toán	D2.1		
461	Vũ Minh Nhật	03/08/2011	200418	B1.4	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Địa	D2.5
462	Phan Xuân Nhật	17/05/2011	200737	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
463	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	07/08/2010	200419	B1.4			Chuyên Địa	D2.5
464	Trần Nguyễn Yến Nhi	10/08/2011	200420	B1.4	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sinh	D3.3
465	Nguyễn Thị Yến Nhi	01/03/2011	200421	B1.4	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Sinh	D3.4
466	Vũ Thị Tuyết Nhi	29/05/2011	200422	B1.4			Chuyên Địa	D2.5
467	Nguyễn Đặng Lâm Nhi	20/03/2011	200423	B1.4	Chuyên Văn	B1.5		
468	Võ Lê Gia Nhi	15/06/2011	200424	B1.4			Chuyên Sinh	D3.4
469	Lê Hồng Yến Nhi	09/01/2011	200425	B1.4	Chuyên Lí	D3.1		
470	Lương Hoàng Uyên Nhi	25/10/2011	200426	B1.5	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Anh	D2.1
471	Hồ Thị Ý Nhi	08/07/2011	200427	B1.5			Chuyên Sinh	D3.4
472	Hoàng Yến Nhi	30/04/2011	200428	B1.5	Chuyên Văn	B1.5		
473	Vũ Gia Nhi	28/09/2011	200429	B1.5	Chuyên Lí	D3.1		
474	Chu Khả Nhi	03/04/2011	200430	B1.5			Chuyên Sử	B1.3
475	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	04/04/2011	200431	B1.5	Chuyên Hóa	D3.5		
476	Nguyễn Phước Thanh Nhi		200432	B1.5	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
477	Tổng Khả Như	11/04/2011	200433	B1.5	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Anh	D2.1
478	Nguyễn Trịnh Quỳnh Như	02/12/2011	200434	B1.5	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Anh	D2.1
479	Nguyễn Hoàng Trúc Như	21/03/2011	200435	B1.5			Chuyên Anh	D2.1
480	Nguyễn Tổng Diệp Như	15/09/2011	200436	B1.5			Chuyên Địa	D2.5
481	Dương Quỳnh Như	16/05/2026	200437	B1.5	Chuyên Lí	D3.1		
482	Nguyễn Trương Tuệ Như		200438	B1.5			Chuyên Sử	B1.3
483	Nguyễn Thị Nhung	18/02/2011	200439	B1.5	Chuyên Toán	D2.1		
484	Hoàng Cao Tuyết Nhung	25/07/2011	200738	B1.3			Chuyên Anh	D2.3
485	Bùi Huỳnh Phương Oanh	17/06/2011	200440	B1.5			Chuyên Sinh	D3.4
486	Đặng Thuý Oanh	31/10/2011	200441	B1.5	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sử	B1.3
487	Lê Thị Kim Oanh	10/10/2011	200442	B1.5			Chuyên Địa	D2.5
488	Lê Trần Tấn Phát	22/05/2011	200443	B1.5	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Anh	D2.1
489	Hồ Gia Phát	27/03/2011	200444	B1.5	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Anh	D2.1
490	Phạm Hoàng Phát	28/04/2011	200445	B1.5	Chuyên Toán	D2.1		
491	Nguyễn Hoàng Phát	16/02/2011	200739	B1.3	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Sinh	D3.5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
492	Bùi Nguyên Phong	20/09/2011	200446	B1.5	Chuyên Toán	D2.1		
493	Phạm Gia Phú	02/07/2011	200447	B1.5	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Anh	D2.1
494	Nguyễn Văn Hồng Phúc	11/06/2011	200448	B1.5	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Sử	B1.3
495	Nguyễn Tấn Phúc	17/08/2011	200449	B1.5	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Anh	D2.1
496	Nguyễn Thị Phúc	17/11/2011	200450	B1.5				
497	Nguyễn Xuân Phúc	02/12/2011	200451	B2.1			Chuyên Sinh	D3.4
498	Quách Hoàng Phúc	20/08/2011	200740	B1.3	Chuyên Hóa	D3.6		
499	Chu Thị Hồng Phúc	25/03/2011	200741	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
500	Bùi Vinh Phúc	03/05/2011	200742	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Tin	Tin 3
501	Trịnh Nguyễn Hữu Phước	08/10/2011	200452	B2.1	Chuyên Toán	D2.1		
502	Nguyễn Gia Phước	16/04/2011	200743	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Anh	D2.3
503	Nông Hoàng Mai Phương	26/07/2011	200453	B2.1			Chuyên Sử	B1.3
504	Quang Khánh Phương	10/10/2011	200454	B2.1			Chuyên Tin	Tin 2
505	Biện Phan Khánh Phương	08/02/2011	200455	B2.1	Chuyên Văn	B1.5		
506	Trần Thị Hà Phương	13/01/2011	200456	B2.1			Chuyên Anh	D2.1
507	Hoàng Ngọc Phương	06/12/2011	200457	B2.1	Chuyên Văn	B1.5		
508	Hồ Hà Phương	11/08/2011	200458	B2.1	Chuyên Hóa	D3.5		
509	Vũ Quang Uyên Phương	27/06/2011	200459	B2.1			Chuyên Anh	D2.1
510	Nguyễn Thùy Phương	28/11/2011	200460	B2.1			Chuyên Sử	B1.3
511	Nguyễn Lê Hà Phương	07/10/2011	200461	B2.1	Chuyên Hóa	D3.5		
512	Trần Lê Hoàng Phương	27/12/2011	200462	B2.1	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Sử	B1.3
513	Cù Ngọc Mai Phương	29/03/2011	200463	B2.1	Chuyên Văn	B1.5		
514	Hoàng Thị Hoài Phương	23/12/2011	200464	B2.1	Chuyên Hóa	D3.5		
515	Hoàng Thu Phương	05/03/2011	200465	B2.1	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Sinh	D3.4
516	Đinh Thị Minh Phương	13/01/2011	200466	B2.1			Chuyên Địa	D2.5
517	Đỗ Kiều Phương	01/06/2011	200467	B2.1	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Sinh	D3.4
518	Lê Thu Phương		200468	B2.1	Chuyên Văn	B1.5		
519	Trần Thị Phương		200469	B2.1	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
520	Phạm Quế Phương	06/12/2011	200744	B1.3	Chuyên Văn	B2.2		
521	Trần Hữu Hoàng Quân	04/05/2011	200470	B2.1	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Anh	D2.1
522	Nguyễn Minh Quân	29/04/2012	200471	B2.1	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Tin	Tin 2
523	Đỗ Minh Quân	17/07/2011	200472	B2.1	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Anh	D2.1
524	Đàm Ngọc Quân	01/01/2011	200473	B2.1	Chuyên Lí	D3.1		
525	Đặng Minh Quân	08/05/2011	200474	B2.1	Chuyên Hóa	D3.5		
526	Lê Hoàng Quân	09/03/2011	200475	B2.1			Chuyên Anh	D2.1
527	Phạm Văn Quân	23/07/2011	200476	B2.2			Chuyên Sinh	D3.4
528	Hoàng Minh Quân	22/11/2011	200477	B2.2	Chuyên Hóa	D3.5		
529	Lê Bá Minh Quân	11/02/2011	200478	B2.2	Chuyên Toán	D2.1		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
530	Trần Hoàng Anh Quân	25/02/2011	200479	B2.2			Chuyên Tin	Tin 2
531	Đình Nguyên Bảo Quân	10/03/2011	200480	B2.2	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sinh	D3.4
532	Lê Đỗ Đình Quân		200481	B2.2			Chuyên Tin	Tin 2
533	Đào Đông Quân		200482	B2.2	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sử	B1.3
534	Trương Anh Quân	20/10/2011	200745	B1.3	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Anh	D2.3
535	Nguyễn Đăng Quang	02/01/2011	200483	B2.2			Chuyên Anh	D2.1
536	Trần Trọng Quang	04/10/2011	200484	B2.2	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Anh	D2.1
537	Trần Đại Quang	24/10/2011	200485	B2.2			Chuyên Tin	Tin 2
538	Lương Hồng Quang	14/06/2011	200486	B2.2			Chuyên Anh	D2.1
539	Nguyễn Đăng Quang	16/12/2011	200746	B1.3			Chuyên Tin	Tin 3
540	Phạm Ngọc Quý	19/08/2011	200487	B2.2	Chuyên Toán	D2.1		
541	Đậu Thị Tú Quyên	22/02/2011	200488	B2.2	Chuyên Lí	D3.1		
542	Đậu Nguyễn Thục Quyên	23/05/2011	200489	B2.2			Chuyên Anh	D2.1
543	Trương Lê Lệ Quyên	28/10/2011	200490	B2.2	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Anh	D2.1
544	Trần Thục Quyên	10/04/2011	200491	B2.2	Chuyên Lí	D3.1		
545	Nguyễn Ngọc Quyên	08/08/2011	200492	B2.2			Chuyên Địa	D2.5
546	Trịnh Bảo Quyên		200493	B2.2	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
547	Nguyễn Trần Trúc Quyên		200494	B2.2	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
548	Hà Bảo Quyên	05/12/2011	200747	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Anh	D2.3
549	Trần Văn Quyết		200495	B2.2	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
550	Phạm Thị Khánh Quỳnh	14/09/2011	200496	B2.2			Chuyên Sử	B1.3
551	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	04/09/2011	200497	B2.2	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sinh	D3.4
552	Nguyễn Thái Như Quỳnh	05/04/2011	200498	B2.2	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sinh	D3.4
553	Lê Thị Diễm Quỳnh	09/11/2011	200499	B2.2	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Sinh	D3.4
554	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/06/2011	200500	B2.2	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sử	B1.3
555	Nguyễn Đình Sang	15/10/2011	200501	B2.3	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Sinh	D3.4
556	Đình Xuân Sang	24/09/2011	200502	B2.3			Chuyên Tin	Tin 2
557	Võ Vương Trường Sinh	10/09/2011	200503	B2.3	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Anh	D2.1
558	K Sial Sinur	16/07/2011	200748	B1.3	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Sử	B1.4
559	Nông Hữu Thái Sơn	08/01/2011	200504	B2.3	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Tin	Tin 2
560	Lê Huy Sơn	28/07/2011	200505	B2.3			Chuyên Sinh	D3.4
561	Nguyễn Quang Sự	30/01/2011	200506	B2.3	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Địa	D2.5
562	Liu Tuyết Sương	16/08/2011	200749	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
563	Tăng Văn Tài	22/04/2011	200507	B2.3			Chuyên Sinh	D3.4
564	Đào Ngọc Tài	26/02/2011	200508	B2.3	Chuyên Lí	D3.1		
565	Giang Thị Minh Tâm	15/07/2011	200509	B2.3	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sinh	D3.4
566	Lê Thị Thanh Tâm		200510	B2.3	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
567	Nguyễn Lê Thanh Tân	20/06/2011	200511	B2.3			Chuyên Sinh	D3.4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
568	Nông Lê Nhật Tân	05/02/2011	200512	B2.3			Chuyên Tin	Tin 2
569	Hồ Ngọc Cẩm Thạch	25/07/2011	200513	B2.3	Chuyên Lí	D3.1	Chuyên Anh	D2.1
570	Lê Nguyễn Hoàng Thái	14/03/2011	200514	B2.3	Chuyên Toán	D2.1		
571	Bùi Ngọc Thái	09/03/2011	200515	B2.3			Chuyên Tin	Tin 3
572	Quản Lê Đức Thái	13/01/2011	200750	B1.3	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Sinh	D3.5
573	Lê Tiến Thắng	28/06/2011	200516	B2.3	Chuyên Toán	D2.1		
574	Nguyễn Lê Thanh Thanh	27/02/2011	200517	B2.3			Chuyên Sinh	D3.4
575	Lê Mai Thanh	16/01/2011	200518	B2.3			Chuyên Sinh	D3.4
576	Nguyễn Hà Thanh	08/05/2011	200519	B2.3			Chuyên Địa	D2.5
577	Đỗ Lê Phương Thanh	11/03/2011	200520	B2.3			Chuyên Sử	B1.3
578	Phạm Nguyễn Đăng Thanh	13/02/2011	200521	B2.3	Chuyên Lí	D3.1		
579	Võ Tấn Thành	04/02/2011	200522	B2.3	Chuyên Toán	D2.1		
580	Lê Tấn Thành	03/10/2011	200523	B2.3	Chuyên Toán	D2.1		
581	Lê Tấn Thành	03/10/2011	200751	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
582	Phạm Phương Thảo	03/07/2011	200524	B2.3	Chuyên Văn	B1.5		
583	Bùi Thạch Thảo	02/01/2011	200525	B2.3			Chuyên Sinh	D3.4
584	Nguyễn Phương Thảo	27/04/2011	200526	B2.4			Chuyên Sinh	D3.4
585	Hồ Ngọc Thảo	12/06/2011	200527	B2.4			Chuyên Địa	D2.5
586	Nguyễn Phương Thảo	16/06/2011	200528	B2.4	Chuyên Văn	B1.5	Chuyên Sử	B1.3
587	Nguyễn Thanh Thảo	05/08/2011	200529	B2.4	Chuyên Lí	D3.1		
588	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/04/2011	200530	B2.4	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Anh	D2.1
589	Nguyễn Bùi Phương Thảo	09/09/2011	200752	B1.3	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Anh	D2.3
590	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	26/02/2011	200753	B1.3	Chuyên Lí	D3.2		
591	Lê Nguyễn Mai Thi	06/03/2011	200531	B2.4			Chuyên Sinh	D3.4
592	Võ Thị Anh Thi	17/07/2011	200532	B2.4			Chuyên Sử	B1.3
593	Nguyễn Mai Hải Thiên	27/12/2011	200533	B2.4	Chuyên Toán	D2.1	Chuyên Anh	D2.1
594	Giang Hải Thiên	13/07/2011	200534	B2.4	Chuyên Toán	D2.2		
595	Lê Đình Thiên	24/04/2011	200535	B2.4	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Anh	D2.1
596	Phạm Hoàng Thiên	09/02/2026	200536	B2.4			Chuyên Anh	D2.2
597	Phan Lê Hoàng Thiên	08/11/2011	200537	B2.4	Chuyên Toán	D2.2		
598	Nguyễn Quang Thiên		200538	B2.4	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
599	Châu Ngọc Thiện		200539	B2.4	Chuyên Hóa	D3.5		
600	Nguyễn Minh Thiện	01/09/2011	200540	B2.4	Chuyên Toán	D2.2		
601	Phạm Đình Ngọc Thiện	10/09/2011	200541	B2.4			Chuyên Sử	B1.3
602	Phan Thị Ngọc Thiện	07/04/2011	200542	B2.4			Chuyên Sử	B1.3
603	Nguyễn Quang Thiện	08/09/2011	200543	B2.4	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Anh	D2.2
604	Nguyễn Đức Thiện	05/12/2011	200754	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Sinh	D3.5
605	Nguyễn Phúc Thịnh	17/10/2011	200544	B2.4	Chuyên Toán	D2.2		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
606	Nguyễn Đoàn Thái Thịnh	14/11/2011	200545	B2.4	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Tin	Tin 3
607	Trần Đăng Quốc Thịnh	10/09/2011	200546	B2.4	Chuyên Hóa	D3.5		
608	Lê Nguyên Hưng Thịnh		200547	B2.4	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
609	Chu Thị Bảo Thu	25/03/2011	200548	B2.4	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Địa	D2.5
610	Nguyễn Thủy Bảo Thu		200549	B2.4	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
611	Vy Thị Thanh Thu	24/05/2011	200550	B2.4	Chuyên Toán	D2.2		
612	Đậu Hoàng Anh Thu	08/06/2011	200551	B2.5	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Anh	D2.2
613	Nguyễn Ngọc Anh Thu	20/12/2011	200552	B2.5	Chuyên Văn	B2.1		
614	Đình Thị Minh Thu	31/08/2011	200553	B2.5			Chuyên Tin	Tin 3
615	Phan Nguyễn Minh Thu	01/11/2011	200554	B2.5	Chuyên Lí	D3.1		
616	Trần Lê Anh Thu	25/05/2011	200555	B2.5	Chuyên Toán	D2.2		
617	Lê Trần Anh Thu	02/07/2011	200556	B2.5			Chuyên Sử	B1.4
618	Nguyễn Hoàng Anh Thu	30/08/2011	200557	B2.5			Chuyên Địa	D2.5
619	Nguyễn Anh Thu	03/03/2011	200558	B2.5			Chuyên Sử	B1.4
620	Lê Anh Thu	07/11/2011	200559	B2.5	Chuyên Văn	B2.1		
621	Phạm Thị Anh Thu	14/11/2011	200560	B2.5	Chuyên Văn	B2.1		
622	Phan Thị Anh Thu	01/09/2011	200561	B2.5			Chuyên Địa	D2.5
623	Ngô Nguyễn Anh Thu	19/10/2011	200562	B2.5	Chuyên Văn	B2.1		
624	Nguyễn Hồ Anh Thu		200563	B2.5	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3
625	Nguyễn Thủy Bảo Thu	12/04/2011	200755	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
626	Nguyễn Thiện Minh Thu	19/09/2011	200756	B1.3			Chuyên Địa	D2.6
627	Trần Anh Thu	06/08/2011	200757	B1.3			Chuyên Anh	D2.3
628	Nguyễn Ngọc Anh Thu	24/07/2011	200758	B1.3	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Sử	B1.4
629	Nguyễn Trần Bảo Thức	17/10/2011	200564	B2.5	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Anh	D2.2
630	Trần Hà Thương	22/01/2011	200565	B2.5	Chuyên Hóa	D3.5		
631	Bùi Thị Ngọc Thương	31/05/2011	200566	B2.5	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Sử	B1.4
632	Nguyễn Thị Thương Thương	15/03/2011	200567	B2.5	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Anh	D2.2
633	Nguyễn Thị Hoài Thương	07/09/2011	200568	B2.5			Chuyên Sử	B1.4
634	Nguyễn Lương Thủy	07/01/2011	200569	B2.5			Chuyên Tin	Tin 3
635	Đào Thị Thúy	13/04/2011	200570	B2.5	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Sinh	D3.4
636	Phan Thị Minh Thùy	14/04/2011	200571	B2.5			Chuyên Sinh	D3.4
637	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	03/07/2011	200572	B2.5			Chuyên Địa	D2.5
638	Nguyễn Thị Bích Thủy	22/05/2011	200573	B2.5	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Sinh	D3.5
639	Nguyễn Dương Khánh Thy	27/07/2011	200574	B2.5	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Địa	D2.5
640	Lê Bảo Thy	07/02/2011	200575	B2.5			Chuyên Sử	B1.4
641	Võ Lê An Thy	30/05/2011	200576	B3.1	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Anh	D2.2
642	Lê Thủy Tiên	06/01/2011	200577	B3.1	Chuyên Văn	B2.1		
643	Đặng H' Thủy Tiên	22/08/2011	200578	B3.1			Chuyên Anh	D2.2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
644	Đoàn Thủy Tiên	29/09/2011	200579	B3.1			Chuyên Tin	Tin 3
645	Nguyễn Quang Tiến	17/04/2011	200580	B3.1	Chuyên Toán	D2.2		
646	Vũ Kim Tiến	27/07/2011	200581	B3.1	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Sinh	D3.5
647	Huỳnh Lê Tính	15/04/2011	200582	B3.1	Chuyên Toán	D2.2		
648	Lê Thị Mỹ Tình	13/05/2011	200583	B3.1			Chuyên Sử	B1.4
649	Trần Văn Tịnh	29/09/2011	200759	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
650	Phạm Toàn	13/08/2011	200760	B1.3	Chuyên Toán	D2.4		
651	Lê Thị Hương Trà	07/07/2011	200584	B3.1	Chuyên Lí	D3.1		
652	Trần Thị Ngọc Trâm	07/07/2011	200585	B3.1	Chuyên Lí	D3.2	Chuyên Anh	D2.2
653	Bùi Trần Khánh Trâm	22/06/2011	200586	B3.1	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Sử	B1.4
654	Đặng Thùy Trâm	26/08/2011	200587	B3.1	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Anh	D2.2
655	Nguyễn Bảo Trâm	09/10/2011	200588	B3.1	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Sử	B1.4
656	Đặng Ngọc Bảo Trâm	05/01/2011	200589	B3.1	Chuyên Hóa	D3.5	Chuyên Sinh	D3.5
657	Trần Hoàng Bảo Trâm	25/03/2011	200590	B3.1	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Sử	B1.4
658	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	17/09/2011	200591	B3.1	Chuyên Văn	B2.1		
659	Phạm Ngọc Bảo Trân	24/06/2011	200592	B3.1	Chuyên Văn	B2.1		
660	Trần Thị Bảo Trân	21/03/2011	200593	B3.1	Chuyên Văn	B2.1		
661	Phạm Thị Bảo Trân	13/10/2011	200594	B3.1	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Sử	B1.4
662	Trịnh Gia Bảo Trân	17/12/2011	200595	B3.1			Chuyên Địa	D2.5
663	Đỗ Phan Bảo Trân	26/07/2012	200596	B3.1			Chuyên Địa	D2.5
664	Ngô Bùi Bảo Trân	13/08/2011	200597	B3.1			Chuyên Địa	D2.5
665	Võ Thị Bảo Trân	02/09/2011	200598	B3.1			Chuyên Địa	D2.5
666	Nguyễn Thị Quế Trân	07/07/2011	200599	B3.1	Chuyên Toán	D2.2		
667	Đặng Thị Thùy Trang	01/04/2011	200600	B3.1	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Tin	Tin 3
668	Hồ Nguyễn Uyên Trang	09/06/2011	200601	B3.2			Chuyên Địa	D2.6
669	Nguyễn Thị Hà Trang	16/05/2011	200602	B3.2			Chuyên Anh	D2.2
670	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/12/2011	200603	B3.2	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Sử	B1.4
671	Lương Thị Huyền Trang	29/10/2011	200604	B3.2	Chuyên Văn	B2.1		
672	Trần Thị Huyền Trang	06/04/2011	200605	B3.2	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Sinh	D3.5
673	Lê Phương Trang	20/01/2011	200606	B3.2	Chuyên Văn	B2.1		
674	Lương Quỳnh Trang	18/12/2011	200607	B3.2	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Anh	D2.2
675	Tạ Thị Hà Trang	02/09/2011	200608	B3.2	Chuyên Toán	D2.2		
676	Phạm Huỳnh Phương Trang	28/08/2011	200609	B3.2	Chuyên Văn	B2.1	Chuyên Địa	D2.6
677	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	06/05/2011	200610	B3.2	Chuyên Văn	B2.2		
678	Lê Thị Huyền Trang	27/01/2011	200611	B3.2	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Sinh	D3.5
679	Nguyễn Phúc Xuân Trang	26/12/2011	200612	B3.2			Chuyên Sử	B1.4
680	Hà Thị Phương Trang	01/01/2011	200761	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Tin	Tin 3
681	Nguyễn Minh Trí	04/11/2011	200613	B3.2			Chuyên Sinh	D3.5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
682	Trần Minh Trí	19/05/2026	200762	B1.3	Chuyên Hóa	D3.6		
683	Trương Minh Triết	24/10/2011	200614	B3.2	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Sinh	D3.5
684	Đào Hồng Triều	11/08/2011	200615	B3.2	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Anh	D2.2
685	Đào Hồng Triều	08/11/2011	200763	B1.3	Chuyên Toán	D2.4	Chuyên Anh	D2.3
686	Trần Nguyễn Thục Trinh	16/10/2011	200616	B3.2	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Anh	D2.2
687	Điều Thị Hạnh Trinh	14/01/2011	200617	B3.2	Chuyên Văn	B2.2		
688	Lê Ngọc Bảo Trinh	04/06/2011	200618	B3.2	Chuyên Hóa	D3.5		
689	Vũ Trần Tuyết Trinh	24/06/2011	200619	B3.2	Chuyên Văn	B2.2		
690	Nguyễn Minh Trọng	09/03/2011	200620	B3.2	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Anh	D2.2
691	Võ Văn Trọng	23/12/2011	200621	B3.2	Chuyên Lí	D3.2	Chuyên Anh	D2.2
692	Hoàng Thanh Trúc	22/08/2011	200622	B3.2			Chuyên Địa	D2.6
693	Thái Thanh Trúc	09/09/2011	200623	B3.2	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Tin	Tin 3
694	Phạm Thanh Trúc	23/08/2011	200624	B3.2	Chuyên Lí	D3.2		
695	Võ Công Trục	03/12/2011	200625	B3.2	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Tin	Tin 3
696	Nguyễn Thành Trung	02/11/2011	200626	B3.3	Chuyên Toán	D2.2	Chuyên Anh	D2.2
697	Phan Kiên Quốc Trung	08/01/2011	200627	B3.3			Chuyên Tin	Tin 3
698	Lê Tấn Trường	10/10/2011	200628	B3.3	Chuyên Lí	D3.2		
699	Đỗ Xuân Trường	05/05/2011	200629	B3.3	Chuyên Toán	D2.2		
700	Nguyễn Phương Tú	25/10/2011	200630	B3.3	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Địa	D2.6
701	Lài Thị Cẩm Tú	11/12/2011	200631	B3.3			Chuyên Anh	D2.2
702	Nguyễn Quốc Tú		200632	B3.3	Chuyên Văn	B2.2		
703	Văn Thành Tuấn	29/09/2011	200633	B3.3	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Sử	B1.4
704	Lê Anh Tuấn	12/08/2011	200634	B3.3			Chuyên Sử	B1.4
705	Phạm Đức Tuấn	23/08/2012	200635	B3.3	Chuyên Toán	D2.2		
706	Nguyễn Hữu Tuấn	18/06/2011	200636	B3.3	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Sinh	D3.5
707	Trần Phú Túc	30/03/2011	200637	B3.3	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Sinh	D3.5
708	Võ Tá Tuệ	10/10/2011	200764	B1.3	Chuyên Lí	D3.2		
709	Lê Lâm Tùng	28/02/2011	200638	B3.3	Chuyên Hóa	D3.6		
710	Hoàng Đình Tùng	15/04/2011	200639	B3.3	Chuyên Lí	D3.2	Chuyên Địa	D2.6
711	Nguyễn Hữu Tùng	02/08/2011	200640	B3.3	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Anh	D2.2
712	Nguyễn Khánh Tùng	31/08/2011	200641	B3.3	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Tin	Tin 3
713	Tăng Thạnh Tường	20/04/2011	200642	B3.3	Chuyên Toán	D2.3		
714	Vũ Văn Tuyên	16/01/2011	200643	B3.3	Chuyên Toán	D2.3		
715	Nguyễn Lê Phương Tuyên	21/10/2011	200644	B3.3	Chuyên Văn	B2.2		
716	Hà Nguyên Gia Uyên	02/01/2011	200645	B3.3			Chuyên Anh	D2.2
717	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	06/10/2011	200646	B3.3	Chuyên Hóa	D3.6	Chuyên Anh	D2.2
718	Chu Thị Phương Uyên	18/07/2011	200647	B3.3			Chuyên Địa	D2.6
719	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	22/07/2011	200648	B3.3	Chuyên Toán	D2.3		

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
720	Nguyễn Lan Uyên	03/09/2011	200649	B3.3	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Anh	D2.2
721	Lê Ngọc Bảo Uyên	06/11/2011	200650	B3.3	Chuyên Văn	B2.2		
722	Đỗ Phương Uyên	30/08/2011	200651	B3.4			Chuyên Địa	D2.6
723	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	30/06/2011	200652	B3.4	Chuyên Toán	D2.3		
724	Nguyễn Phương Uyên	06/03/2011	200653	B3.4			Chuyên Anh	D2.2
725	Nguyễn Phương Uyên	29/03/2011	200654	B3.4			Chuyên Địa	D2.6
726	Nguyễn Thị Thu Uyên	17/01/2011	200765	B1.3			Chuyên Anh	D2.3
727	Phan Triều Hải Vân	18/07/2011	200655	B3.4	Chuyên Hóa	D3.6		
728	Nguyễn Lê Khánh Vân	21/12/2011	200656	B3.4	Chuyên Toán	D2.3		
729	Thái Thị Tường Vân	20/05/2011	200657	B3.4			Chuyên Sử	B1.4
730	Trần Lê Thảo Vi	01/06/2011	200658	B3.4	Chuyên Toán	D2.3		
731	Trần Tường Vi		200659	B3.4	Chuyên Toán	D2.3		
732	Vũ Phương Vi	15/10/2011	200660	B3.4			Chuyên Địa	D2.6
733	Phan Thế Vinh	17/04/2011	200661	B3.4	Chuyên Lí	D3.2		
734	Nguyễn Xuân Phú Vinh	23/02/2011	200662	B3.4	Chuyên Hóa	D3.6		
735	Lại Quang Vinh		200663	B3.4			Chuyên Tin	Tin 3
736	Nguyễn Đình Vũ	13/02/2011	200664	B3.4	Chuyên Lí	D3.2		
737	Nguyễn Kim Vũ	15/11/2011	200665	B3.4	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Anh	D2.2
738	Trần Minh Vương	29/03/2011	200666	B3.4	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Địa	D2.6
739	Nguyễn Hữu Thiên Vương	01/01/2011	200667	B3.4	Chuyên Lí	D3.2	Chuyên Tin	Tin 3
740	Ngô Việt Vương	20/01/2011	200668	B3.4	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Tin	Tin 3
741	Nguyễn Thái Bảo Vy	08/01/2011	200669	B3.4			Chuyên Địa	D2.6
742	Tổng Kiều Vy	15/02/2011	200670	B3.4			Chuyên Anh	D2.2
743	Nguyễn Hồng Tường Vy	26/01/2011	200671	B3.4			Chuyên Anh	D2.2
744	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	26/09/2011	200672	B3.4			Chuyên Địa	D2.6
745	Nguyễn Ngọc Tường Vy	01/01/2011	200673	B3.4			Chuyên Anh	D2.3
746	Võ Hoàng Khánh Vy	24/02/2011	200674	B3.4			Chuyên Tin	Tin 3
747	Đặng Thị Hà Vy	12/01/2011	200675	B3.4	Chuyên Văn	B2.2		
748	Nguyễn Lương Hà Vy	07/06/2011	200676	B3.5			Chuyên Sinh	D3.5
749	Dương Ngọc Lan Vy	08/11/2011	200677	B3.5			Chuyên Anh	D2.3
750	Mai Diệp Vy	26/10/2011	200678	B3.5			Chuyên Anh	D2.3
751	Vũ Lê Bảo Vy	20/03/2011	200679	B3.5			Chuyên Anh	D2.3
752	Bùi Vũ Tường Vy	01/09/2011	200680	B3.5	Chuyên Hóa	D3.6		
753	Trương Hồng Đan Vy	04/04/2011	200681	B3.5	Chuyên Toán	D2.3	Chuyên Tin	Tin 3
754	Phạm Nguyễn Tường Vy	04/04/2011	200682	B3.5	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Sinh	D3.5
755	Nguyễn Lê Thảo Vy	11/08/2011	200683	B3.5	Chuyên Toán	D2.3		
756	Ngô Xuân Tường Vy	02/01/2011	200684	B3.5			Chuyên Địa	D2.6
757	Nguyễn Kiều Vy	29/07/2011	200685	B3.5			Chuyên Sử	B1.4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	SBD	Phòng thi				
				Môn thường	Môn chuyên 1		Môn chuyên 2	
758	Đỗ Thị Trâm Xuân	22/07/2011	200686	B3.5	Chuyên Toán	D2.3		
759	Trần Ngọc Ánh Xuân	01/01/2011	200687	B3.5	Chuyên Lí	D3.2		
760	Đặng Nhật Ý	11/03/2011	200688	B3.5			Chuyên Anh	D2.3
761	Trần Ngọc Tịnh Ý	08/12/2011	200689	B3.5			Chuyên Sinh	D3.5
762	Phạm Bảo Yến	16/09/2011	200690	B3.5			Chuyên Tin	Tin 3
763	Phạm Hải Yến	01/10/2011	200691	B3.5			Chuyên Địa	D2.6
764	Phạm Bảo Yến	22/11/2011	200692	B3.5	Chuyên Văn	B2.2	Chuyên Anh	D2.3
765	Mai Dung Zalo pay		200693	B3.5	Chưa ĐK	B2.3	Chưa ĐK	B2.3